

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng năm 2023 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023
đã được soát xét

Được soát xét bởi:
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2023**

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 05
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	06 – 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	08 – 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	13 – 14
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	15 – 83



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023.

CÔNG TY

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Cầu Đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 30 ngày 01 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

2 Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ (Mã ngành 4212);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành 4299);
- Xây dựng nhà để ở (Mã ngành 4101);
- Xây dựng nhà không để ở (Mã ngành 4102);
- Xây dựng công trình điện (Mã ngành 4221);
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước (Mã ngành 4222);
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (Mã ngành 4223);
- Xây dựng công trình công ích khác (Mã ngành 4229);
- Xây dựng công trình đường sắt (Mã ngành 4211);
- Phá dỡ (Mã ngành 4311);
- Chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành 4312);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2599);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (Mã ngành 4659);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mã ngành 4662);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành 4663);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Mã ngành 4932);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành 4933);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Mã ngành 5229);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành 7110);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4511);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 4669);
- Sản xuất than cốc (Mã ngành 1910);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành 5510);



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành 5610);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành 6810);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Mã ngành 6622);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Mã ngành 3312);
- Lắp đặt hệ thống điện (Mã ngành 4321);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Mã ngành 4329);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Mã ngành 4330);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành 4390);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (Mã ngành 4322);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành 7120);
- Sửa chữa thiết bị điện (Mã ngành 3314);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Mã ngành 4651);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Mã ngành 3320);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 3290);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Mã ngành 3313);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã ngành 0810);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 0899);
- Xây dựng công trình thủy (Mã ngành 4291);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (Mã ngành 5011);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Mã ngành 5021);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Mã ngành 5022);
- Đào tạo sơ cấp (Mã ngành 8531);
- Đào tạo trung cấp (Mã ngành 8532);
- Đào tạo cao đẳng (Mã ngành 8533);
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 8559);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành 8560);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành 5210).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2023 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch
Võ Thụy Linh	Phó Chủ tịch
Phan Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch
Phùng Tiến Thành	Phó Chủ tịch
Nguyễn Quốc Ánh	Phó Chủ tịch
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch
Lê Quỳnh Mai	Phó Chủ tịch
	(từ ngày 20/06/2023)
Ngô Văn Quý	Thành viên độc lập
	(từ ngày 20/06/2023)
Nguyễn Văn Hải	Thành Viên
	(đến ngày 20/06/2023)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc
Khương Văn Cường	Tổng Giám đốc
	(từ ngày 20/02/2023)
Hồ Đình Chung	Tổng Giám đốc
	(đến ngày 30/05/2023)
Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc
	(đến ngày 20/02/2023)
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Phạm Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc
Dương Châu Sâm	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 11/04/2023)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Tôn Quang Hùng	Trưởng ban
Lê Việt Anh	Trưởng ban
	(đến ngày 01/06/2022)
Nguyễn Chí Trung	Thành viên
Phạm Văn Hùng	Thành viên
Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên
	(đến ngày 21/12/2022)
Nguyễn Thanh Duy	Thành viên
	(đến ngày 21/12/2022)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật:

Hồ Minh Hoàng
Ngô Trường Nam
Nguyễn Quang Vĩnh
Khương Văn Cường

Hồ Đình Chung

Nguyễn Văn Hải

Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
(từ ngày 20/02/2023)
Tổng Giám đốc
(đến ngày 01/06/2023)
Tổng Giám đốc
(đến ngày 20/02/2023)

Kế toán trưởng:

An Văn Thiện
(từ ngày 01/03/2023)
Lê Việt Anh
(đến ngày 01/03/2023)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.
- Lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Địa chỉ: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2023

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**



Khương Văn Cường

Số : ~~686~~/BCSX/TC/2023/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả được lập ngày 21 tháng 08 năm 2023, từ trang 08 đến trang 83, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

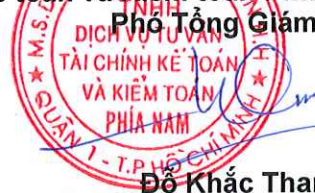
Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2023
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.185.363.003.073	4.702.855.346.714
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	1.037.930.556.310	828.968.437.046
111	Tiền		127.219.659.988	105.488.986.490
112	Các khoản tương đương tiền		910.710.896.322	723.479.450.556
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		217.008.937.209	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	217.008.937.209	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		2.981.693.360.559	3.297.744.709.348
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	790.553.096.430	1.032.644.997.245
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	781.971.990.337	469.463.395.355
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05	839.886.012.784	1.055.884.539.969
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.06	569.282.261.008	739.751.776.779
140	Hàng tồn kho	V.07	872.148.411.584	508.999.387.422
141	Hàng tồn kho		872.148.411.584	508.999.387.422
150	Tài sản ngắn hạn khác		76.581.737.411	67.142.812.898
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.08	12.401.796.810	7.994.973.975
152	Thuế GTGT được khấu trừ		44.482.390.863	44.480.502.776
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	19.697.549.738	14.667.336.147

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		3.503.842.108.072	2.988.716.838.720
210	Các khoản phải thu dài hạn		525.303.585.787	496.421.345.449
215	Phải thu về cho vay dài hạn	V.05	503.936.561.336	476.007.345.905
216	Phải thu dài hạn khác	V.06	21.367.024.451	20.413.999.544
220	Tài sản cố định		533.504.662.215	510.889.965.569
221	Tài sản cố định hữu hình	V.09	431.570.077.149	404.431.801.801
222	Nguyên giá		546.397.194.801	545.996.783.980
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(114.827.117.652)	(141.564.982.179)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	101.934.585.066	106.458.163.768
225	Nguyên giá		112.404.120.427	108.585.938.609
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.469.535.361)	(2.127.774.841)
227	Tài sản cố định vô hình	V.11	-	-
228	Nguyên giá		1.626.200.000	1.626.200.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.626.200.000)	(1.626.200.000)
230	Bất động sản đầu tư	V.12	170.926.095.172	172.932.295.252
231	Nguyên giá		196.763.594.014	196.763.594.014
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(25.837.498.842)	(23.831.298.762)
240	Tài sản dở dang dài hạn		17.497.156.040	20.375.984.480
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	17.497.156.040	20.375.984.480
250	Đầu tư tài chính dài hạn		2.237.806.032.291	1.766.871.352.779
251	Đầu tư vào công ty con	V.02	1.556.832.572.291	1.476.881.352.779
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.02	502.190.000.000	265.490.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.02	158.783.460.000	4.500.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	20.000.000.000	20.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		18.804.576.567	21.225.895.191
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.08	18.804.576.567	21.225.895.191
270	TỔNG TÀI SẢN		8.689.205.111.145	7.691.572.185.434

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		4.084.159.543.301	2.939.886.746.939
310	Nợ ngắn hạn		1.366.890.403.717	1.162.354.238.837
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	584.346.820.999	516.206.067.428
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	11.735.491.555	5.805.753.169
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.16	17.671.756.790	26.573.574.414
314	Phải trả người lao động		25.023.460.151	31.408.778.070
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	78.677.216.137	53.856.995.098
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19	11.362.998.954	1.379.172.849
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.18	141.671.250.293	166.765.112.400
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	494.315.647.257	359.158.785.409
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.085.761.581	1.200.000.000
330	Nợ dài hạn		2.717.269.139.584	1.777.532.508.102
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.15	2.275.445.074.106	1.079.179.392.620
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19	2.068.759.273	2.758.345.698
337	Phải trả dài hạn khác	V.18	30.446.000.000	251.976.970.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20	409.309.306.205	443.617.799.784



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.21	4.605.045.567.844	4.751.685.438.495
410	Vốn chủ sở hữu		4.605.045.567.844	4.751.685.438.495
411	Vốn góp của chủ sở hữu		4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
418	Quỹ đầu tư phát triển		12.706.265.055	11.820.503.474
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.210.358.842	4.210.358.842
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		381.611.793.947	529.137.426.179
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		317.040.045.517	440.561.268.128
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ này		64.571.748.430	88.576.158.051
440	TỔNG NGUỒN VỐN		<u>8.689.205.111.145</u>	<u>7.691.572.185.434</u>

Người lập biểu

Lê Công Nghĩa

Kế toán trưởng

An Văn Thiện

TP.HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2023
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Khương Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	958.149.455.711	1.098.659.646.178
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	958.149.455.711	1.098.659.646.178
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	857.277.010.634	991.267.685.410
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.872.445.077	107.391.960.768
21	Doanh thu hoạt động tài chính	95.580.545.868	70.584.449.385
22	Chi phí tài chính	67.634.736.201	19.071.438.308
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	35.722.319.351	18.435.074.673
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	81.620.962.113	74.891.961.738
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	47.197.292.631	84.013.010.107
31	Thu nhập khác	34.456.993.343	4.357.560.488
32	Chi phí khác	113.900.461	50.669.919
40	Lợi nhuận khác	34.343.092.882	4.306.890.569
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	81.540.385.513	88.319.900.676
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	16.968.637.083	20.582.188.868
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	64.571.748.430	67.737.711.808

TP.HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Công Nghĩa

An Văn Thiện



Khương Văn Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	81.540.385.513	88.319.900.676
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	46.402.299.110	25.951.587.061
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(96.438.404.126)	(70.584.449.385)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	36.485.955.713	19.071.438.308
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	67.990.236.210	62.758.476.660
09	Tăng các khoản phải thu	(306.111.841.387)	(137.495.527.779)
10	Tăng hàng tồn kho	(363.149.024.162)	(39.857.797.342)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]	999.682.406.873	(365.632.353.134)
12	Tăng chi phí trả trước	(1.985.504.211)	(12.755.639.124)
14	Tiền lãi vay đã trả	(26.290.878.161)	(20.970.476.471)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(25.590.381.047)	(12.520.341.342)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	344.545.014.115	(526.473.658.532)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(97.240.404.823)	(188.635.667.176)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	75.155.000.000	-
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(474.663.180.768)	(1.811.520.318.567)
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	458.996.395.603	911.334.631.431
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(311.858.360.000)	(7.300.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	77.400.000.000	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	36.542.923.230	25.912.057.386
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(235.667.626.758)	(1.070.209.296.926)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	971.461.260.000
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	290.526.669.472	359.861.197.451
34	Chi trả nợ gốc vay	(180.148.959.051)	(155.649.509.591)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	(10.292.978.514)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	100.084.731.907	1.175.672.947.860
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	208.962.119.264	(421.010.007.598)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	V.01 828.968.437.046	1.218.946.678.670
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	V.01 1.037.930.556.310	797.936.671.072

TP.HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Công Nghĩa

An Văn Thiện

Khương Văn Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ cho giai đoạn 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Cầu Đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 30 ngày 01 tháng 06 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ (Mã ngành 4212);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành 4299);
- Xây dựng nhà để ở (Mã ngành 4101);
- Xây dựng nhà không để ở (Mã ngành 4102);
- Xây dựng công trình điện (Mã ngành 4221);
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước (Mã ngành 4222);
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (Mã ngành 4223);
- Xây dựng công trình công ích khác (Mã ngành 4229);
- Xây dựng công trình đường sắt (Mã ngành 4211);
- Phá dỡ (Mã ngành 4311);
- Chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành 4312);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2599);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (Mã ngành 4659);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Mã ngành 4662);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Mã ngành 4663);
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Mã ngành 4932);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Mã ngành 4933);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Mã ngành 5229);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành 7110);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4511);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 4669);
- Sản xuất than cốc (Mã ngành 1910);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành 5510);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành 5610);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành 6810);

3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Mã ngành 6622);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Mã ngành 3312);
- Lắp đặt hệ thống điện (Mã ngành 4321);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Mã ngành 4329);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Mã ngành 4330);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành 4390);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (Mã ngành 4322);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành 7120);
- Sửa chữa thiết bị điện (Mã ngành 3314);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Mã ngành 4651);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Mã ngành 3320);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 3290);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (Mã ngành 3313);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã ngành 0810);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 0899);
- Xây dựng công trình thủy (Mã ngành 4291);
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (Mã ngành 5011);
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa (Mã ngành 5021);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Mã ngành 5022);
- Đào tạo sơ cấp (Mã ngành 8531);
- Đào tạo trung cấp (Mã ngành 8532);
- Đào tạo cao đẳng (Mã ngành 8533);
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành 8559);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành 8560);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã ngành 5210).

4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có 1.811 nhân viên (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 1.166 nhân viên)



6 Cấu trúc Công ty

Công ty con:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		30.06.2023	01.01.2023	30.06.2023	01.01.2023
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	21,29%	34,82%	21,34%	34,91%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	1,23%	1,23%	1,23%	1,23%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	20,06%	33,59%	20,11%	33,68%
2	Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
3	Công ty CP Đầu Tư Hải Thạch B.O.T	99,73%	99,73%	99,73%	99,73%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	99,73%	99,73%	99,73%	99,73%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	85,95%	45,85%	90,20%	60,16%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	84,80%	38,21%	84,80%	38,21%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	1,15%	7,64%	5,40%	21,95%
5	Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
6	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	21,15%	34,64%	99,32%	99,47%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	21,15%	34,64%	99,32%	99,47%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	15,35%	24,73%	72,09%	71,02%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	15,35%	24,73%	72,09%	71,02%
8	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	14,98%	23,80%	70,36%	68,34%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	14,98%	23,80%	70,36%	68,34%

Công ty liên doanh, liên kết:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		30.06.2023	01.01.2023	30.06.2023	01.01.2023
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	10,05%	16,40%	50,00%	50,00%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	10,05%	16,40%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	6,73%	11,00%	31,60%	31,60%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	6,73%	11,00%	31,60%	31,60%
3	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	36,21%	31,94%	36,21%	31,94%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	36,21%	31,94%	36,21%	31,94%
4	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	44,69%	0,00%	44,69%	0,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	44,69%	0,00%	44,69%	0,00%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên công ty	Địa chỉ
Xí nghiệp Quản lý Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 1 – Chi nhánh Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả tại Phú Yên	Số 44 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Tuy Hoà, Phú Yên, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 2 - Chi nhánh Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả tại Lạng Sơn	Thôn Đồn Vang, Xã Minh Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Chi Nhánh Công ty cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả tại Cao Bằng	Số 62, Tổ 7, Phường Sông Hiến, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam
Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Hà Nội	Tầng 16, Số 265 Đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Ninh Thuận	Thôn Trà Nô, Xã Phước Hà, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
Địa điểm kinh doanh - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Bình Thuận	Phía Đông, Xã Phan Dũng, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

II KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND hoặc đồng).

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)

a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (tiếp theo)

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền (tiếp theo)

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là dài hạn.

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết (tiếp theo)

- + Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- + Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

+ Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

+ Đối với khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4 Nguyên tắc các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	02 – 20 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

8 Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

10 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

11 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ việc phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi với những điều khoản yêu cầu nhà phát hành mua lại trong tương lai các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

12 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắc chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

15 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

16 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

16 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Công ty trích lập các quỹ sau:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

18 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19 Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

20 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

21 Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

23 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Tiền mặt	2.145.693.961	915.823.691
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	125.073.966.027	104.573.162.799
Các khoản tương đương tiền	910.710.896.322	723.479.450.556
Tiền gửi có kỳ hạn	910.710.896.322	723.479.450.556
Cộng	1.037.930.556.310	828.968.437.046

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 01.01.2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	217.008.937.209	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	217.008.937.209	-	-	-
Dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Trái phiếu (**)	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	237.008.937.209	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 4,25%/năm đến 8,3%/năm. Trong đó các hợp đồng tiền gửi trị giá 100 tỷ VND tại Ngân hàng TP Bank - CN Hà Nội được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

(**) Thông tin trái phiếu:

Tên tổ chức phát hành	Số lượng	Mệnh giá	Tổng trị giá	Lãi suất trả sau	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	80.000	100.000	8.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +0,9%/năm	24/09/2020	24/09/2028
	1.000	10.000.000	10.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1,2%/năm	27/09/2019	27/09/2029
	20.000	100.000	2.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1%/năm	18/11/2021	18/11/2031
			20.000.000.000			

Trong đó 1.000 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng cấp tín dụng tại ngân hàng Vietinbank.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Đầu tư vào công ty con**

	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 01.01.2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T (*)	1.189.480.000.000	-	1.189.480.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam (*)	212.000.000.000	-	23.500.000.000	-
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát (*)	98.451.219.512	-	207.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	50.251.352.779	60.006.629.600	50.251.352.779	50.251.352.779
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả (*)	6.650.000.000	-	6.650.000.000	-
Cộng	1.556.832.572.291	60.006.629.600	1.476.881.352.779	50.251.352.779

c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 01.01.2023	
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hải	337.190.000.000	-	265.490.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả (**)	165.000.000.000	-	-	-
Cộng	502.190.000.000	-	265.490.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****d) Đầu tư vào công ty khác**

	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 01.01.2023	
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Công Ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (***)	154.283.460.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Công nghiệp TLH	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
Cộng	158.783.460.000	-	4.500.000.000	-

(*) Các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên BCTC theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

(**) Theo nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 12 năm 2022 HĐQT thông chủ trương đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả ("Đèo Cả O&M"). Ngày 04 tháng 01 năm 2023, Công ty hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 2.117.968 cổ phần Đèo Cả O&M theo hợp đồng số 2013/2022/CNCP-DCG và hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 8.882.032 cổ phần Đèo Cả O&M theo hợp đồng số 2012/2022/CNCP-DCG, qua đó Công ty nắm giữ 44,69% tỷ lệ sở hữu Đèo Cả O&M.

(***) Theo nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 10 năm 2022 HĐQT thông qua nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng B.M.T tại Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Ngày 27 tháng 02 năm 2023, Công ty hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 15.428.346 cổ phần tương ứng 10% tỷ lệ sở hữu Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận theo hợp đồng số 01/2023/HĐCNCP/DCG-BMT.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

3 PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Bên khác	189.038.547.852	238.058.626.938
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng Indec	68.616.486.948	45.963.304.247
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Dân dụng Và Công nghiệp Tỉnh Quảng Ninh	24.914.780.100	32.894.756.100
Công ty Cổ phần Truyền thông Đầu tư Việt	15.513.373.458	9.412.260.351
BQL Dự án Thăng Long - Bộ Giao thông Vận Tải	12.834.020.786	30.754.667.940
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông Tỉnh Quảng Ninh	9.794.417.000	9.794.417.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	8.827.978.016	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Tân Hoàng Long	7.405.355.700	7.405.355.700
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Thành phố Tuy Hòa	4.554.694.347	19.554.694.347
Công ty Cổ phần Thương mại Và Xây dựng Hoàng Long	-	25.827.127.779
Ban QLDA Giao thông tỉnh Bình Định	-	22.451.124.000
Đối tượng khác	36.577.441.497	34.000.919.474
Bên liên quan	601.514.548.578	794.586.370.307
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	281.444.410.343	292.694.002.957
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	119.642.452.335	119.047.418.061
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	92.523.727.023	210.644.315.064
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	43.001.504.349	39.635.835.612
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	19.077.536.291	16.304.112.954
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	16.680.011.324	62.285.305.775
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	12.618.830.233	39.994.992.477
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	10.156.187.400	1.758.149.100
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	4.048.878.078	9.572.600.575
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	1.491.552.907	1.346.999.707
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	476.633.550	476.633.550
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	106.900.000	106.900.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	95.349.930	95.349.930
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	81.425.640	80.031.240
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	31.281.600	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	28.606.890	30.459.750
Công ty CP Vật liệu Hải Thạch	9.260.685	9.260.685
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	-	335.624.850
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	-	168.378.020
Cộng	790.553.096.430	1.032.644.997.245



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên khác	664.598.023.515	342.538.514.750
Công ty Cổ phần Xây dựng Và Đầu tư Trung Hải	61.397.535.045	-
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	60.858.210.850	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Ban Mai	41.975.293.894	42.321.083.436
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	32.764.070.143	10.121.033.175
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	31.634.233.363	12.217.732.082
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Bất động sản Thành Phát	30.865.384.342	-
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	29.428.041.249	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	28.422.375.000	25.930.883.000
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Công trình Tây An	21.459.592.900	-
Công ty Cổ phần Xây lắp 368	20.693.307.631	26.043.035.078
Công ty TNHH Thương mại Trung Tín H.B	18.288.838.711	18.288.838.711
Công ty TNHH Vật liệu Ngoại thất Nhật Bản	18.244.172.045	18.244.172.045
Công ty Cổ phần Đầu tư Thịnh Phát	12.237.300.659	51.720.019.837
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đồng Phương	12.149.392.825	12.149.392.825
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long	9.570.467.445	9.570.467.445
Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Huy Thiên Phú	6.571.272.763	6.571.272.763
Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	1.619.163.191	1.619.163.191
Công ty Cổ phần Máy và Phụ tùng T&C	-	19.912.570.000
Công ty TNHH Nhạc Sơn	-	16.198.207.218
Đối tượng khác	226.419.371.459	71.630.643.944
Bên liên quan	117.373.966.822	126.924.880.605
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	79.441.922.402	93.437.489.117
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn - Phú Yên	33.487.391.488	33.487.391.488
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	2.546.947.132	-
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	1.897.705.800	-
Cộng	781.971.990.337	469.463.395.355

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY

a) Ngắn hạn

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên khác	168.525.000.000	184.853.500.000
Đỗ Mạnh Hùng	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Agri-Vina	30.000.000.000	-
Văn Phú Thành	30.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả - Huy Hoàng	15.000.000.000	26.066.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Đầu tư Việt	12.350.000.000	12.350.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh Nguyễn Tiến Nam	-	50.497.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư THG Holdings	-	50.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn Asphalt	-	5.100.000.000
Công ty TNHH MTV Nihon Vina	-	1.900.000.000
Đối tượng khác	5.175.000.000	3.940.000.000
Bên liên quan	671.361.012.784	871.031.039.969
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	455.146.164.384	587.927.164.384
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	173.550.000.000	165.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	27.100.000.000	27.100.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	15.564.848.400	14.816.979.982
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	-	19.750.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	-	55.036.895.603
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	-	1.400.000.000
Cộng	839.886.012.784	1.055.884.539.969

Đây là các khoản cho vay ngắn hạn có lãi suất từ 6% đến 12%, thời gian thu hồi từ 6 tháng đến 12 tháng

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

b) Dài hạn

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Bên khác	2.500.000.000	2.500.000.000
CN Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z tại Tp.HCM (1)	2.500.000.000	2.500.000.000
Bên liên quan	501.436.561.336	473.507.345.905
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (2)	396.944.095.359	374.294.114.508
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (3)	104.492.465.977	99.213.231.397
Cộng	503.936.561.336	476.007.345.905

- (1) Đây là khoản phải thu về cho vay trong vòng 24 tháng hưởng lãi suất 10,1%/năm.
(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1210/2021/HĐHT/BOT CLVH - DCG ngày 12/10/2021 hưởng lãi suất 10,33%/năm.
(3) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐHT/BOT TLMT - DCG ngày 01/08/2021 hưởng lãi suất 10,5%/năm.



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6 PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Tạm ứng	161.988.636.119	137.141.748.313
Ký cược, ký quỹ	5.945.532.000	632.500.000
<i>Bên khác</i>	<i>5.945.532.000</i>	<i>632.500.000</i>
Phải thu khác	401.348.092.889	601.977.528.466
<i>Bên khác</i>	<i>213.163.193.904</i>	<i>472.757.282.129</i>
Nguyễn Văn Tùng	54.810.000.000	54.810.000.000
Đình Văn Chương	48.173.069.209	48.173.069.209
Ban Đồng Đăng Trà Lĩnh	36.335.000.000	32.435.000.000
Lê Đức Tranh	18.633.175.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây dựng B.M.T	-	152.000.000.000
Nguyễn Minh Giang	-	115.625.100.000
Đối tượng khác	55.211.949.695	69.714.112.920
<i>Bên liên quan</i>	<i>188.184.898.985</i>	<i>129.220.246.337</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	58.816.320.460	32.368.038.181
Võ Thụy Linh	52.000.000.000	-
Hồ Minh Hoàng	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	18.649.618.906	10.368.526.028
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	5.807.558.905	4.447.408.220
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	1.276.743.645	27.025.861.538
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	1.014.739.260	1.621.552.096
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	619.917.809	-
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	-	3.388.860.274
Cộng	569.282.261.008	739.751.776.779

b) Dài hạn

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Ký cược, ký quỹ	21.367.024.451	20.413.999.544
<i>Bên khác</i>	<i>21.063.454.541</i>	<i>20.110.429.634</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>303.569.910</i>	<i>303.569.910</i>
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	303.569.910	303.569.910
Cộng	21.367.024.451	20.413.999.544

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

7 HÀNG TỒN KHO

	30.06.2023		01.01.2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	130.811.616.392	-	67.126.453.183	-
Công cụ, dụng cụ	1.642.053.382	-	1.462.265.072	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	739.694.741.810	-	440.410.669.167	-
Cộng	872.148.411.584	-	508.999.387.422	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.401.796.810	7.994.973.975
Cộng	12.401.796.810	7.994.973.975

b) Dài hạn

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.804.576.567	21.225.895.191
Cộng	18.804.576.567	21.225.895.191

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	408.737.121.980	122.046.372.310	4.483.133.521	10.730.156.169	545.996.783.980
2. Số tăng trong kỳ	118.058.535.365	3.570.480.000	108.200.001	200.000.000	121.937.215.366
Mua trong kỳ	118.058.535.365	3.570.480.000	108.200.001	200.000.000	121.937.215.366
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	104.123.517.676	17.413.286.869	-	-	121.536.804.545
Thanh lý, nhượng bán	104.123.517.676	17.413.286.869	-	-	121.536.804.545
4. Số dư cuối kỳ	422.672.139.669	108.203.565.441	4.591.333.522	10.930.156.169	546.397.194.801
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	88.139.120.859	44.224.892.273	1.450.638.360	7.750.330.687	141.564.982.179
2. Khấu hao trong kỳ	26.085.306.909	9.021.461.941	345.999.366	601.570.294	36.054.338.510
Khấu hao trong kỳ	26.085.306.909	9.021.461.941	345.999.366	601.570.294	36.054.338.510
3. Số giảm trong kỳ	53.695.887.166	9.096.315.871	-	-	62.792.203.037
Thanh lý, nhượng bán	53.695.887.166	9.096.315.871	-	-	62.792.203.037
4. Số dư cuối kỳ	60.528.540.602	44.150.038.343	1.796.637.726	8.351.900.981	114.827.117.652
III. Giá trị còn lại					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	320.598.001.121	77.821.480.037	3.032.495.161	2.979.825.482	404.431.801.801
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	362.143.599.067	64.053.527.098	2.794.695.796	2.578.255.188	431.570.077.149

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:	350.691.005.360 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	26.390.245.228 VND

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	108.585.938.609	108.585.938.609
2. Số tăng trong kỳ	3.818.181.818	3.818.181.818
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	112.404.120.427	112.404.120.427
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	2.127.774.841	2.127.774.841
2. Khấu hao trong kỳ	8.341.760.520	8.341.760.520
Tăng trong kỳ	8.341.760.520	8.341.760.520
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	10.469.535.361	10.469.535.361
III. Giá trị còn lại		
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	106.458.163.768	106.458.163.768
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	101.934.585.066	101.934.585.066

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	1.626.200.000	1.626.200.000
2. Số tăng trong kỳ	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	1.626.200.000	1.626.200.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	1.626.200.000	1.626.200.000
2. Khấu hao trong kỳ	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	1.626.200.000	1.626.200.000
III. Giá trị còn lại		
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	-	-
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	-	-

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 1.626.200.000 VND

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	97.272.727.273	99.490.866.741	196.763.594.014
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	97.272.727.273	99.490.866.741	196.763.594.014
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	-	23.831.298.762	23.831.298.762
2. Khấu hao trong kỳ	-	2.006.200.080	2.006.200.080
Tăng trong kỳ	-	2.006.200.080	2.006.200.080
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	25.837.498.842	25.837.498.842
III. Giá trị còn lại			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	97.272.727.273	75.659.567.979	172.932.295.252
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	97.272.727.273	73.653.367.899	170.926.095.172

Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là: 170.926.095.172 VND.

Nguyên giá BĐSĐT cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND.

13 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Chi phí chuẩn bị dự án đầu tư	15.934.406.040	19.482.984.480
Mua sắm TSCĐ	1.562.750.000	893.000.000
Cộng	17.497.156.040	20.375.984.480

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 01.01.2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác	389.700.529.922	389.700.529.922	327.909.457.439	327.909.457.439
Công ty Cổ phần Xây lắp 368	41.408.968.035	41.408.968.035	35.789.287.291	35.789.287.291
Công ty TNHH SP4AN	31.926.486.655	31.926.486.655	31.926.486.655	31.926.486.655
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Và Thương mại Quốc Tế	28.171.519.500	28.171.519.500	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Tân Hoàng Long	27.611.308.037	27.611.308.037	21.421.626.980	21.421.626.980
Wonder Synergy	17.242.097.382	17.242.097.382	17.242.097.382	17.242.097.382
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Công nghệ Nam Anh	16.430.630.500	16.430.630.500	14.559.947.400	14.559.947.400
Công ty Cổ phần Xây lắp Và Thương mại Dịch vụ Tân Khang	15.256.883.068	15.256.883.068	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Huỳnh Đệ Tư Gia	14.210.926.752	14.210.926.752	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long	12.505.937.737	12.505.937.737	13.313.986.837	13.313.986.837
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	8.373.518.704	8.373.518.704	10.179.564.382	10.179.564.382
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Xây dựng An Phát	8.253.562.503	8.253.562.503	8.253.562.503	8.253.562.503
Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Huy Thiên Phú	4.945.438.317	4.945.438.317	15.816.201.000	15.816.201.000
Đối tượng khác	163.363.252.732	163.363.252.732	159.406.697.009	159.406.697.009
Bên liên quan	194.646.291.077	194.646.291.077	188.296.609.989	188.296.609.989
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	70.354.966.962	70.354.966.962	131.768.129.134	131.768.129.134
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	69.941.449.978	69.941.449.978	27.656.366.913	27.656.366.913
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	39.923.137.556	39.923.137.556	20.404.498.062	20.404.498.062
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	9.109.114.960	9.109.114.960	5.930.392.880	5.930.392.880
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	2.520.232.000	2.520.232.000	855.492.000	855.492.000
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	2.039.080.000	2.039.080.000	1.491.880.000	1.491.880.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Và Đầu tư Trung Hải	568.458.621	568.458.621	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	189.851.000	189.851.000	189.851.000	189.851.000
Cộng	584.346.820.999	584.346.820.999	516.206.067.428	516.206.067.428



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

a) Ngắn hạn

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Bên khác	3.264.017.500	1.764.017.500
Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam	3.000.000.000	1.500.000.000
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Công trình Tây An	264.017.500	264.017.500
Bên liên quan	8.471.474.055	4.041.735.669
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	3.617.454.991	728.691.177
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	2.788.989.592	2.788.989.592
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	1.540.974.572	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn – Hữu Nghị	524.054.900	524.054.900
Cộng	11.735.491.555	5.805.753.169

b) Dài hạn

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Bên khác	1.756.594.696.526	421.134.001.799
Ban Quản lý Dự án 2 - Bộ Giao thông Vận tải	1.335.713.194.724	-
Ban Quản lý Dự án 7 - Bộ Giao thông Vận tải	165.002.748.000	-
Ban Quản lý Dự án Giao thông Tỉnh Bình Định	118.209.923.000	140.423.923.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Indec	70.049.355.328	79.757.862.200
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Tỉnh Phú Yên	42.024.094.000	45.558.017.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông Tỉnh Cao Bằng	14.368.263.000	14.572.709.000
Ban Quản lý Dự án 6 - Bộ Giao thông Vận tải BQLDA Đầu tư XD các Công trình Dân dụng và Công nghiệp Tỉnh Quảng Ninh	11.227.118.474	50.363.121.599
	-	90.458.369.000
Bên liên quan	518.850.377.580	658.045.390.821
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	452.136.123.352	604.177.515.132
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	38.677.327.449	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	18.215.295.971	41.046.244.881
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	6.985.678.784	6.985.678.784
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	2.292.902.608	5.292.902.608
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	543.049.416	543.049.416
Cộng	2.275.445.074.106	1.079.179.392.620

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC****a) Thuế và các khoản phải nộp**

	Tại ngày 01.01.2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 30.06.2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.590.381.047	16.968.637.083	25.590.381.047	16.968.637.083
Thuế thu nhập cá nhân	983.193.367	10.947.420.531	11.227.494.191	703.119.707
Thuế tài nguyên	-	189.548.705	189.548.705	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.378.814.495	4.378.814.495	-
Cộng	26.573.574.414	32.484.420.814	41.386.238.438	17.671.756.790

b) Thuế và các khoản phải thu

	Tại ngày 01.01.2023	Số phải thu trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 30.06.2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	14.667.336.147	5.878.736.917	848.523.326	19.697.549.738
Cộng	14.667.336.147	5.878.736.917	848.523.326	19.697.549.738

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Chi phí trích trước các dự án	77.441.668.435	50.975.764.980
Chi phí đào tạo nhân viên	-	2.880.000.000
Chi phí phải trả khác	1.235.547.702	1.230.118
Cộng	78.677.216.137	53.856.995.098

18 PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn

	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
Bảo hiểm xã hội	1.401.318.560	-
Kinh phí công đoàn	882.157.742	980.174.332
Bảo hiểm y tế	245.904.810	-
Bảo hiểm thất nghiệp	86.161.790	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000.000	480.000.000
Bên khác	150.000.000	330.000.000
Bên liên quan	150.000.000	150.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả</i>	100.000.000	100.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa</i>	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	138.755.707.391	165.304.938.068
Bên khác	137.314.816.074	152.160.489.469
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Miền Trung Group</i>	49.967.800.000	49.967.800.000
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh</i>	40.941.000.000	40.941.000.000
<i>Ban Đồng Đăng Trà Lĩnh</i>	28.000.000.000	28.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Phương Trang - Futa Group</i>	5.000.000.000	-
<i>Đối tượng khác</i>	13.406.016.074	33.251.689.469
Bên liên quan	1.440.891.317	13.144.448.599
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành</i>	719.987.208	1.419.987.208
<i>Công ty CP Đầu Tư Hải Thạch B.O.T</i>	501.156.164	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam</i>	219.747.945	11.724.461.391
Cộng	141.671.250.293	166.765.112.400

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

18 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

b) Dài hạn

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Hợp tác kinh doanh	-	221.530.970.000
Bên liên quan	-	221.530.970.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả</i>		<i>221.530.970.000</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	30.446.000.000	30.446.000.000
Bên khác	30.446.000.000	30.446.000.000
<i>Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng H.P.T</i>	<i>30.446.000.000</i>	<i>30.446.000.000</i>
Cộng	30.446.000.000	251.976.970.000

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

a) Ngắn hạn

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	11.362.998.954	1.379.172.849
Cộng	11.362.998.954	1.379.172.849

b) Dài hạn

	30.06.2023	01.01.2023
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	2.068.759.273	2.758.345.698
Cộng	2.068.759.273	2.758.345.698

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a) Ngắn hạn

	Tại ngày 30.06.2023		Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 01.01.2023	
	Giá trị VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giá trị VND
Bên khác	467.915.647.257	71.849.296.612	225.406.169.472	188.498.604.236	359.158.785.409	
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi Nhánh Thăng Long	256.999.596.268	51.263.339.573	141.243.884.630	125.932.492.454	190.424.864.519	
Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	170.597.003.945	-	84.162.284.842	52.273.133.268	138.707.852.371	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - CN Thành phố HCM	18.797.790.320	12.531.860.216	-	6.265.930.104	12.531.860.208	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	11.663.545.233	7.775.696.823	-	3.887.848.410	7.775.696.820	
Ngân Hàng Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 4 TPHCM	9.440.111.491	-	-	-	9.440.111.491	
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Chính Toyota Việt Nam	417.600.000	278.400.000	-	139.200.000	278.400.000	
Bên liên quan	26.400.000.000	-	26.400.000.000	-	-	
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	26.400.000.000	-	26.400.000.000	-	-	
Cộng	494.315.647.257	71.849.296.612	251.806.169.472	188.498.604.236	359.158.785.409	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỀO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a) Ngắn hạn (tiếp theo)

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Hạn mức vay/Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
NH Tiên Phong - CN Thăng Long	4.600.000.000.000	12 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Ký quỹ và các biện pháp đảm bảo khác
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	1.500.000.000.000	9 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Thế chấp quyền tài sản, quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế hình thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ Vốn
NH Công thương VN - CN4 TPHCM	10.000.000.000	11 tháng	9%/năm	Trái phiếu doanh nghiệp
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	26.400.000.000	3 tháng	9,7%/năm	Tin chấp



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Dài hạn**

	Tại ngày 30.06.2023		Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 01.01.2023	
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Giá trị VND	
Bên khác	409.309.306.205	38.720.500.000	1.943.333.329	71.849.296.612	443.617.799.784	
Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	93.785.665.967	24.760.500.000	1.733.333.329	51.263.339.573	122.021.838.869	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - CN Thành phố HCM	35.027.384.966	9.760.000.000	-	12.531.860.216	37.799.245.182	
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long (1)	33.035.000.000	-	-	-	33.035.000.000	
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà (2)	30.465.000.000	-	-	-	30.465.000.000	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	14.903.418.913	-	-	7.775.696.823	22.679.115.736	
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	3.990.000.000	4.200.000.000	210.000.000	-	-	
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Chính Toyota Việt Nam	139.200.000	-	-	278.400.000	417.600.000	
Trái phiếu (3)	197.963.636.359	-	-	-	197.199.999.997	
Trái phiếu phát hành	200.000.000.000	-	-	-	200.000.000.000	
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	(2.036.363.641)	763.636.362	-	-	(2.800.000.003)	
Cộng	409.309.306.205	38.720.500.000	1.943.333.329	71.849.296.612	443.617.799.784	

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Dài hạn (tiếp theo)

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

Bên cho vay	Hạn mức vay/Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
NH TMCP Tiên Phong	260.277.271.430	36 - 72 tháng	8 - 13,15%	Tài sản hình thành từ khoản vay
Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN TPHCM	65.236.320.000	60 tháng	8%/năm	Ký cược
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailase	31.102.787.291	48 tháng	10,97%/năm	Ký cược
Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	4.200.000.000	36 tháng	8,9%/năm	Ký cược
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	1.392.000.000	60 tháng	12% năm	Tài sản hình thành từ khoản vay

- (1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10-XL/2021/HĐXL/DCG - HL ngày 11/10/2021 giữa Công ty với Công ty CP TM XD Hoàng Long
- (2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06 - 10/2021/HĐHT/DCG - DTH ngày 06/10/2021 giữa Công ty với Công ty TNHH Đông Thuận Hà
- (3) Chi tiết trái phiếu được trình bày sau đây:

Tại ngày 01.01.2023

Trái phiếu thương	Giá trị	Lãi suất	Thời hạn
	200.000.000.000	11,5%/năm	3 năm

Tại ngày 30.06.2023

	Giá trị	Lãi suất	Thời hạn
	200.000.000.000	11,5%/năm	3 năm

Đây là khoản huy động bằng việc phát hành trái phiếu theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam để tài trợ xây dựng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm – Vĩnh Hảo thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT. Gói trái phiếu có tổng mệnh giá 200 tỷ Đồng, ngày đáo hạn cuối cùng vào tháng 10 năm 2024. Lãi suất cố định áp dụng cho toàn bộ thời hạn 3 năm của trái phiếu được xác định là 11,5%/năm. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 22.937.534 cổ phần của Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, tương ứng với tổng giá trị hợp lý tối thiểu 150% giá trị phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**20 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán**

Thời hạn	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 30.06.2022	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Trả tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Trả tiền lãi thuế VND
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	14.709.798.380	4.206.819.866	170.272.174	31.072.174
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - CN Thành phố HCM	8.690.527.480	2.424.597.376	10.502.978.514	139.200.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	5.622.190.590	1.734.342.180	6.265.930.104	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Chính Toyota Việt Nam	184.373.898	45.173.898	3.887.848.410	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	212.706.412	2.706.412	170.272.174	31.072.174
Trên 5 năm	-	-	-	-
Cộng	14.709.798.380	4.206.819.866	170.272.174	31.072.174
				139.200.000

d) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**21 VỐN CHỦ SỞ HỮU****21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01.01.2022	3.235.055.890.000	11.820.503.474	-	444.771.626.970	3.691.648.020.444
Tăng vốn trong kỳ	971.461.260.000	-	-	-	971.461.260.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	67.737.711.808	67.737.711.808
Trích quỹ khác	-	-	4.210.358.842	(4.210.358.842)	-
Tại ngày 30.06.2022	4.206.517.150.000	11.820.503.474	4.210.358.842	508.298.979.936	4.730.846.992.252
Tại ngày 01.01.2023	4.206.517.150.000	11.820.503.474	4.210.358.842	529.137.426.179	4.751.685.438.495
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	64.571.748.430	64.571.748.430
Chia cổ tức (1)	-	-	-	(210.325.857.500)	(210.325.857.500)
Trích quỹ đầu tư phát triển (2)	-	885.761.581	-	(885.761.581)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (3)	-	-	-	(885.761.581)	(885.761.581)
Tại ngày 30.06.2023	4.206.517.150.000	12.706.265.055	4.210.358.842	381.611.793.947	4.605.045.567.844

(1) Theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2023, HĐQT thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022 bằng tiền, với số tiền là 210.325.857.500 VND.

(2) Theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2023, HĐQT đã thông qua việc trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 885.761.581 VND.

(3) Theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2023, HĐQT đã thông qua việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 885.761.581 VND.



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 01.01.2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Hồ Minh Hoàng	1.658.241.920.000	39,42%	1.658.241.920.000	39,42%
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	725.843.530.000	17,26%	725.843.530.000	17,26%
Võ Thụy Linh	257.472.570.000	6,12%	107.557.570.000	2,56%
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	217.686.300.000	5,17%	217.686.300.000	5,17%
Đối tượng khác	1.347.272.830.000	32,03%	1.497.187.830.000	35,59%
Cộng	4.206.517.150.000	100,00%	4.206.517.150.000	100,00%

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	4.206.517.150.000	3.235.055.890.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	971.461.260.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	4.206.517.150.000	4.206.517.150.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	210.325.857.500	-

21.4 Cổ phiếu

	Tại ngày 30.06.2023		Tại ngày 01.01.2023	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	420.651.715	-	420.651.715	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	420.651.715	-	420.651.715	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	420.651.715	-	420.651.715	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	30.06.2023	01.01.2023
Các khoản ngoại tệ		
Dollar Mỹ (USD)	200,08	200,08

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	958.149.455.711	1.098.659.646.178
Doanh thu hợp đồng xây dựng	889.547.246.592	1.059.579.271.120
Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.600.393.352	14.225.791.286
Doanh thu bán hàng hóa	20.285.985.996	10.975.176.862
Doanh thu bất động sản đầu tư	10.715.829.771	13.879.406.910
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	958.149.455.711	1.098.659.646.178

Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan	599.858.351.193	754.964.516.852
Doanh thu hợp đồng xây dựng	552.916.018.677	724.202.688.323
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.979.740.066	12.501.791.862
Doanh thu bán hàng hóa	10.272.945.645	6.568.639.557
Doanh thu bất động sản đầu tư	5.689.646.805	11.691.397.110

2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Giá vốn xây dựng	803.518.565.928	963.861.199.287
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	32.440.136.171	11.909.321.773
Giá vốn của hàng hóa đã bán	17.236.345.298	10.967.531.505
Giá vốn kinh doanh BĐS đầu tư	4.081.963.237	4.529.632.845
Cộng	857.277.010.634	991.267.685.410

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	95.580.545.868	70.584.449.385
Cộng	95.580.545.868	70.584.449.385

4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Lãi tiền vay	35.722.319.351	18.435.074.673
Lỗ từ thoái vốn công ty con	31.148.780.488	-
Chi phí phát hành trái phiếu	763.636.362	636.363.635
Cộng	67.634.736.201	19.071.438.308

5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.944.708.261	531.114.733
Chi phí nhân viên	28.083.535.293	24.411.317.301
Chi phí khấu hao	2.337.120.103	2.480.490.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.698.764.870	28.410.500.919
Các khoản chi phí QLDN khác	4.556.833.586	19.058.538.443
Cộng	81.620.962.113	74.891.961.738

6 THU NHẬP KHÁC

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Lãi từ thanh lý TSCĐ	32.006.638.746	-
Các khoản khác	2.450.354.597	4.357.560.488
Cộng	34.456.993.343	4.357.560.488

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

7 CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Các khoản khác	113.900.461	50.669.919
Cộng	113.900.461	50.669.919

8 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	479.156.193.658	826.999.487.473
Chi phí nhân viên	147.039.482.672	116.672.762.024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.402.299.110	25.951.587.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	509.607.974.592	117.470.754.011
Chi phí khác bằng tiền khác	38.739.750.060	28.062.842.925
Cộng	1.220.945.700.092	1.115.157.433.494

9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	16.968.637.083	20.582.188.868
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	16.968.637.083	20.582.188.868

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

- 1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong tương lai: Không có**
- 2 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có**

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

3 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	290.526.669.472	359.861.197.451

4 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
	30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	190.441.937.565	155.649.509.591

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:**
Không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023:** Không phát sinh
- Thông tin về các bên liên quan:** Xem phụ lục 1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4 Thông tin bộ phận****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022				Tổng cộng
	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	10.975.176.862	14.225.791.286	1.059.579.271.120	13.879.406.910	1.098.659.646.178
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần BH và cung cấp dịch vụ	10.975.176.862	14.225.791.286	1.059.579.271.120	13.879.406.910	1.098.659.646.178
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.645.357	2.316.469.513	95.718.071.833	9.349.774.065	107.391.960.768
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(74.891.961.738)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					32.499.999.030
Doanh thu hoạt động tài chính					70.584.449.385
Chi phí tài chính					(19.071.438.308)
Thu nhập khác					4.357.560.488
Chi phí khác					(50.669.919)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(20.582.188.868)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					67.737.711.808
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác					(188.635.667.176)
Tổng chi phí khấu hao					(25.951.587.061)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

		Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023				
		Bán hàng VND	Dịch vụ VND	Xây dựng VND	Bất động sản đầu tư VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		20.285.985.996	37.600.393.352	889.547.246.592	10.715.829.771	958.149.455.711
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận		-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần BH và cung cấp dịch vụ		20.285.985.996	37.600.393.352	889.547.246.592	10.715.829.771	958.149.455.711
Kết quả kinh doanh theo bộ phận		3.049.640.698	5.160.257.181	86.028.680.664	6.633.866.534	100.872.445.077
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(81.620.962.113)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						19.251.482.964
Doanh thu hoạt động tài chính						95.580.545.868
Chi phí tài chính						(67.634.736.201)
Thu nhập khác						34.456.993.343
Chi phí khác						(113.900.461)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(16.968.637.083)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						64.571.748.430
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác						(97.240.404.823)
Tổng chi phí khấu hao						(46.402.299.110)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023**VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh

	Tại ngày 01.01.2023				Tổng cộng
	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	50.721.220.913	115.198.391.031	4.053.957.039.585	172.932.295.252	4.392.808.946.781
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	3.298.763.238.653
Tổng tài sản	50.721.220.913	115.198.391.031	4.053.957.039.585	172.932.295.252	7.691.572.185.434
Nợ phải trả bộ phận	34.918.219.070	79.306.502.922	2.790.882.345.910	34.779.679.037	2.939.886.746.939
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	34.918.219.070	79.306.502.922	2.790.882.345.910	34.779.679.037	2.939.886.746.939

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Tại ngày 30.06.2023			Tổng cộng
	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	105.701.147.113	195.918.734.736	4.635.030.527.712	5.107.576.504.734
Tài sản không phân bổ	-	-	-	3.581.628.606.411
Tổng tài sản	105.701.147.113	195.918.734.736	4.635.030.527.712	8.689.205.111.145
Nợ phải trả bộ phận	86.470.020.733	160.273.540.234	3.791.739.226.831	4.084.159.543.301
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	86.470.020.733	160.273.540.234	3.791.739.226.831	4.084.159.543.301



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Thông tin bộ phận (tiếp theo)

b) Báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022			Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023				
	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Tổng cộng VND	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	121.471.571.953	478.031.428.047	499.156.646.178	1.098.659.646.178	148.797.742.292	754.202.255.803	55.149.457.616	958.149.455.711
Tài sản bộ phận	692.091.583.827	4.805.487.742.755	2.193.992.858.852	7.691.572.185.434	1.349.407.542.992	6.839.661.659.148	500.135.909.004	8.689.205.111.145
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(188.635.667.176)				(97.240.404.823)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài								
Tài sản bộ phận								
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác								

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023**VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****5 Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính****a) Tài sản tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	30.06.2023		01.01.2023		01.01.2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.037.930.556.310	-	828.968.437.046	-	1.037.930.556.310	828.968.437.046
Phải thu khách hàng	790.553.096.430	-	1.032.644.997.245	-	790.553.096.430	1.032.644.997.245
Trả trước cho người bán	781.971.990.337	-	469.463.395.355	-	781.971.990.337	469.463.395.355
Các khoản phải thu khác	590.649.285.459	-	760.165.776.323	-	590.649.285.459	760.165.776.323
Đầu tư tài chính ngắn hạn	217.008.937.209	-	-	-	217.008.937.209	-
Cho vay	1.343.822.574.120	-	1.531.891.885.874	-	1.343.822.574.120	1.531.891.885.874
Đầu tư tài chính dài hạn	2.237.806.032.291	-	1.766.871.352.779	-	2.237.806.032.291	1.766.871.352.779
Cộng	6.999.742.472.156	-	6.390.005.844.622	-	6.999.742.472.156	6.390.005.844.622

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5 Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)****b) Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	30.06.2023		01.01.2023		30.06.2023	01.01.2023
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Phải trả cho người bán	584.346.820.999	-	516.206.067.428	-	584.346.820.999	516.206.067.428
Người mua trả tiền trước	2.287.180.565.661	-	1.084.985.145.789	-	2.287.180.565.661	1.084.985.145.789
Vay và nợ	903.624.953.462	-	802.776.585.193	-	903.624.953.462	802.776.585.193
Phải trả người lao động	25.023.460.151	-	31.408.778.070	-	25.023.460.151	31.408.778.070
Cộng	3.800.175.800.273	-	2.435.376.576.480	-	3.800.175.800.273	2.435.376.576.480

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)****b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30.06.2023	Dưới 1 năm VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Phải trả cho người bán	584.346.820.999	-	-	584.346.820.999
Người mua trả tiền trước	11.735.491.555	2.275.445.074.106	-	2.287.180.565.661
Vay và nợ	494.315.647.257	409.309.306.205	-	903.624.953.462
Chi phí phải trả	78.677.216.137	-	-	78.677.216.137
Các khoản phải trả phải nộp khác	184.366.467.234	30.446.000.000	-	214.812.467.234
Cộng	1.353.441.643.182	2.715.200.380.311	-	4.068.642.023.493

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

7 Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

8 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2022 kết thúc vào ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2022 kết thúc vào ngày 30/06/2022 đã được soát xét bởi đơn vị kiểm toán này.

TP.HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Công Nghĩa

An Văn Thiệu



Khương Văn Cường



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

I DANH SÁCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch Hồ Minh Hoàng Võ Thụy Linh	Cổ đông lớn Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty con
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty liên quan của ông Nguyễn Hữu Hùng
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Ánh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông
Công ty CP Vật liệu Hải Thạch	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương mại Trung Hải	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh đến ngày 18/03/2023
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2023	30.06.2022
		VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		1.146.666.667	1.170.000.000
1. Hội đồng quản trị		996.666.667	1.020.000.000
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	180.000.000	180.000.000
Võ Thụy Linh	Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Phan Văn Thắng	Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Phùng Tiến Thành	Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Quốc Ánh	Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Hữu Hùng	Phó chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Văn Hải	Thành viên	85.000.000	120.000.000
	(đến ngày 20/06/2023)		
Lê Quỳnh Mai	Phó Chủ tịch	6.666.667	-
	(từ ngày 20/06/2023)		
Ngô Văn Quý	Thành viên độc lập	5.000.000	-
	(từ ngày 20/06/2023)		
2. Ban Kiểm soát		150.000.000	150.000.000
Tôn Quang Hùng	Trưởng Ban	90.000.000	15.000.000
Nguyễn Chí Trung	Thành viên	30.000.000	-
Phạm Văn Hùng	Thành viên	30.000.000	-
Lê Việt Anh	Trưởng Ban	-	75.000.000
	(đến ngày 01/06/2022)		
Nguyễn Thanh Duy	Thành viên	-	30.000.000
	(đến ngày 21/12/2022)		
Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên	-	30.000.000
	(đến ngày 21/12/2022)		

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo):

		Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
		30.06.2023	30.06.2022
		VND	VND
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc		2.542.736.629	2.978.723.981
Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	219.300.000	212.181.818
Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc	164.000.000	318.188.833
Khương Văn Cương	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/02/2023)	123.500.000	-
Hồ Đình Chung	Tổng giám đốc (đến ngày 30/05/2023)	283.659.091	337.591.550
Nguyễn Văn Hải	Tổng giám đốc (đến ngày 20/02/2023)	103.100.000	423.137.005
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	358.300.000	351.897.371
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	357.932.494	353.067.759
Phạm Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc	322.300.000	149.562.761
Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc	275.734.783	7.954.545
Dương Châu Sâm	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11/04/2023)	100.740.261	-
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	-	243.220.455
Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	-	166.464.781
Nguyễn Văn Sáng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	-	137.926.397
An Văn Thiện	Kế toán trưởng (từ ngày 01/03/2023)	136.170.000	-
Lê Việt Anh	Kế toán trưởng (đến ngày 01/03/2023)	98.000.000	277.530.706
Tiền lương Ban kiểm soát		578.600.000	409.949.494
Tôn Quang Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	282.100.000	278.788.280
Nguyễn Chí Trung	Thành viên	242.500.000	-
Phạm Văn Hùng	Thành viên	54.000.000	-
Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)	-	131.161.214
Cộng		4.268.003.296	4.558.673.475



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):****- Các giao dịch khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023	30.06.2022
			VND	VND
Hồ Minh Hoàng	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	- 82.912.096.000	367.506.640.000 -
Võ Thụy Linh	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	- 12.873.628.500	170.348.520.000 -
Nguyễn Quốc Ánh	Phó Chủ tịch HĐQT	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	- 98.866.500	10.000.000.000 -
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	- 12.496.500	72.200.000 -
Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch HĐQT	Nhận cổ tức	42.549.000	-
Ngô Văn Quý	Thành viên HĐQT độc lập (từ ngày 20/06/2023)	Nhận cổ tức	280.000.000	-
Nguyễn Văn Hải	Thành Viên HĐQT (đến ngày 20/06/2023)	Hoàn ứng	-	100.000.000
Khương Văn Cường	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/02/2023)	Nhận cổ tức	10.875.000.000	-
Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	Nhận cổ tức	18.886.500	-

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):

- Các giao dịch khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Hồ Đình Chung	Tổng Giám đốc (đến ngày 30/05/2023)	Nhận cổ tức	19.995.000	-
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	187.711.500	754.230.000
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	206.437.500	862.150.000
Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	22.359.000	490.190.000
Nguyễn Văn Sáng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	Góp vốn chủ sở hữu	-	168.050.000
Phạm Văn Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	Nhận cổ tức	11.285.975.000	-
Nguyễn Chí Trung	Thành viên Ban kiểm soát	Nhận cổ tức	15.546.500	-
Lê Việt Anh	Kế toán trưởng (đến ngày 01/03/2023)	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	-	254.700.000
			38.600.000	-



II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2 Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023	30.06.2022
			VND	VND
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa, dịch vụ	500.606.061	165.656.565
		Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	131.412.000	262.824.000
		Thu gốc cho vay	-	203.200.000.000
		Nhận cổ tức	36.292.176.500	-
		Nhận tiền góp vốn	-	138.000.000.000
		Lãi cho vay	-	3.966.597.260
		Lãi đi vay	-	14.671.984
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	187.027.441.000	28.258.978.380
		Thu gốc cho vay	55.036.895.603	7.100.000.000
		Cho vay	14.950.000.000	12.500.000.000
		Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	24.024.621.791	30.650.813.456
		Lãi cho vay	635.545.500	1.660.027.131
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	160.912.176.055	122.580.304.142
		Góp vốn	188.500.000.000	-
		Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	19.762.648.363	2.800.294.913
		Cho vay	-	23.000.000.000
		Thu gốc cho vay	-	23.000.000.000
		Lãi cho vay	-	353.506.849
		Nhận gốc vay	-	30.451.336.547
		Lãi đi vay	-	98.586.301

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023 VND	30.06.2022 VND
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	8.102.741.000	5.806.138.000
		Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	2.541.293.942	4.877.098.996
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	4.327.909	17.332.959
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	682.188.533	1.585.645.936
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	540.940.248	478.278.107.203
		Cho vay	-	20.950.000.000
		Lãi cho vay	-	4.436.914.829
		Mua hàng hóa, dịch vụ	-	7.562.155
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty con	Thu gốc cho vay	117.400.000.000	-
		Cho vay	111.600.000.000	-
		Lãi cho vay	509.983.562	-
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con	Hoàn trả lại tiền góp vốn	58.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết	Góp vốn	165.000.000.000	-
		Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	3.224.359	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	7.885.938.827	146.357.678

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)
2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023	30.06.2022
			VND	VND
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	479.770.160.897	151.239.721.131
		Góp vốn	71.700.000.000	7.300.000.000
		Lãi cho vay	19.695.737.292	13.183.712.376
		Cho vay	2.954.243.559	198.184.074.924
		Thu gốc cho vay	-	22.994.631.431
		Mua hàng hóa, dịch vụ	-	3.300.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty liên quan của ông Nguyễn Hữu Hùng	Lãi đi vay	-	111.000.000
		Lãi cho vay	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Thu gốc cho vay	131.008.000.000	4.000.000.000
		Lãi cho vay	26.448.282.279	15.613.917.808
		Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	64.416.355	64.419.172
		Cho vay	-	680.500.000.000
		Trả nợ gốc vay	-	30.000.000.000
		Lãi đi vay	-	256.438.356
		Mua hàng hóa, dịch vụ	-	10.622.915
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	28.755.392.617	477.657.337.315
		Ký quỹ ký cược	-	25.305.290.820
		Góp vốn	154.283.460.000	-
		Lãi cho vay	6.027.102.998	4.432.531.267
		Cho vay	-	20.950.000.000

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)
2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 06 tháng kết thúc ngày	
			30.06.2023	30.06.2022
			VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Ánh	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ	35.170.279.846 -	85.034.477.552 197.888.449.297
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Lãi cho vay	1.360.150.685	1.146.498.630
Công ty CP Vật liệu Hải Thạch	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	-	10.450.330
Công ty cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	-	2.951.429
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh	Lãi cho vay Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Cho vay Thu gốc cho vay	8.281.092.878 1.297.200.000 - 8.550.000.000 -	3.528.252.053 1.275.993.000 4.472.427 187.000.000.000 167.000.000.000
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng	Mua hàng hóa, dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Lãi cho vay	1.111.500.000 501.946.591 271.359.589	- - -
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh	Nhận cổ tức	10.884.315.000	-
		Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Nhận gốc vay	19.558.915 26.400.000.000	- -

III SỐ DỮ CÁC BÊN LIÊN QUAN					
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2023	01.01.2023	
			VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	281.444.410.343	292.694.002.957	
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	119.642.452.335	119.047.418.061	
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông	Cung cấp dịch vụ xây dựng	92.523.727.023	210.644.315.064	
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Cung cấp dịch vụ xây dựng	43.001.504.349	39.635.835.612	
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	19.077.536.291	16.304.112.954	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	16.680.011.324	62.285.305.775	
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Anh	Cung cấp dịch vụ khác	12.618.830.233	39.994.992.477	
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.156.187.400	1.758.149.100	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ khác	4.048.878.078	9.572.600.575	
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đồng lớn	Cung cấp dịch vụ khác	1.491.552.907	1.346.999.707	
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh	Cung cấp dịch vụ khác	476.633.550	476.633.550	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Cung cấp dịch vụ khác	106.900.000	106.900.000	
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết	Cung cấp dịch vụ khác	95.349.930	95.349.930	



III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2023	01.01.2023
			VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.425.640	80.031.240
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh	Cung cấp dịch vụ khác	31.281.600	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Cung cấp dịch vụ khác	28.606.890	30.459.750
Công ty CP Vật liệu Hải Thạch	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh	Cung cấp dịch vụ khác	9.260.685	9.260.685
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng	Cung cấp dịch vụ khác	-	335.624.850
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Cung cấp dịch vụ khác	-	168.378.020
			601.514.548.578	794.586.370.307
b) Trả trước cho nhà cung cấp ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Dịch vụ xây lắp	79.441.922.402	93.437.489.117
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu Đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Dịch vụ xây lắp	33.487.391.488	33.487.391.488
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con	Dịch vụ xây lắp	2.546.947.132	-
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con	Dịch vụ bảo vệ	1.897.705.800	-
			117.373.966.822	126.924.880.605

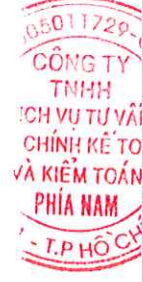
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
c) Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Cho vay ngắn hạn	455.146.164.384	587.927.164.384
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh	Cho vay ngắn hạn	173.550.000.000	165.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Cho vay ngắn hạn	27.100.000.000	27.100.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông	Cho vay ngắn hạn	15.564.848.400	14.816.979.982
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	-	55.036.895.603
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh đến ngày 18/03/2023	Cho vay ngắn hạn	-	19.750.000.000
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	-	1.400.000.000
Cộng			671.361.012.784	871.031.039.969
d) Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Cho vay dài hạn	396.944.095.359	374.294.114.508
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông	Cho vay dài hạn	104.492.465.977	99.213.231.397
Cộng			501.436.561.336	473.507.345.905



III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
e) Các khoản phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty con của công ty liên kết Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Lãi cho vay	58.816.320.460	32.368.038.181
Võ Thụy Linh	Cổ đông lớn, Phó chủ tịch HĐQT	Khác	52.000.000.000	-
Hồ Minh Hoàng	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT	Khác	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh	Lãi cho vay	18.649.618.906	10.368.526.028
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông	Lãi cho vay	5.807.558.905	4.447.408.220
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con	Lãi cho vay	1.276.743.645	27.025.861.538
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh đến ngày 18/03/2023	Lãi cho vay	1.014.739.260	1.621.552.096
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty con	Lãi cho vay	619.917.809	-
Cộng		Khác	-	3.388.860.274
			188.184.898.985	129.220.246.337
f) Các khoản phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Ký quỹ, ký cược	303.569.910	303.569.910
Cộng			303.569.910	303.569.910

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
g) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Anh Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	70.354.966.962	131.768.129.134
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	69.941.449.978	27.656.366.913
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	39.923.137.556	20.404.498.062
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	9.109.114.960	5.930.392.880
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	2.520.232.000	855.492.000
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	Cổ đồng lớn	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	2.039.080.000	1.491.880.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Và Đầu tư Trung Hải	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Anh đến ngày 18/03/2023	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	568.458.621	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty liên doanh, liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	189.851.000	189.851.000
Cộng			194.646.291.077	188.296.609.989
h) Người mua ứng tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Anh Công ty con	Dịch vụ xây lắp	3.617.454.991	728.691.177
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Dịch vụ xây lắp	2.788.989.592	2.788.989.592
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Dịch vụ xây lắp	1.540.974.572	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn – Hữu Nghị	Công ty liên doanh, liên kết	Dịch vụ xây lắp	524.054.900	524.054.900
Cộng			8.471.474.055	4.041.735.669

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2023 VND	01.01.2023 VND
i) Người mua ứng tiền trước dài hạn				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên doanh, liên kết	Dịch vụ xây lắp	452.136.123.352	604.177.515.132
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông	Dịch vụ xây lắp	38.677.327.449	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty liên quan của ông Phan Văn Thăng, Nguyễn Quốc Ánh	Dịch vụ xây lắp	18.215.295.971	41.046.244.881
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Dịch vụ xây lắp	6.985.678.784	6.985.678.784
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Dịch vụ xây lắp	2.292.902.608	5.292.902.608
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Dịch vụ xây lắp	543.049.416	543.049.416
Cộng			518.850.377.580	658.045.390.821
j) Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty liên quan của ông Nguyễn Hữu Hùng	Lãi vay	719.987.208	1.419.987.208
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Công ty con	Khác	501.156.164	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con	Khác	219.747.945	11.724.461.391
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Nhận ký cược, ký quỹ	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên doanh, liên kết	Nhận ký cược, ký quỹ	50.000.000	50.000.000
Cộng			1.590.891.317	13.294.448.599

III SÓ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.06.2023	01.01.2023
			VND	VND
k) Phải trả dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	Công ty con	Hợp tác kinh doanh	-	221.530.970.000
Cộng			-	221.530.970.000
l) Vay ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi	Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh	Vay ngắn hạn phải trả	26.400.000.000	-
Cộng			26.400.000.000	-

